

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp dịch vụ theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp dịch vụ tư vấn kiểm định chất lượng công trình khối A, B, C - Cơ sở 2

2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Loại hợp đồng: Trọn gói.

5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM - Cơ sở 2.

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.

7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 15/4/2024.

9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Cơ sở 2, Tầng 3, Khu C, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2, số 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP HCM.

Người liên hệ: Bùi Thanh Quảng

Số điện thoại: (84.28) 3955 5548 - (403)

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);

+ Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;

+ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, BQTTN (J20-014-2-dlhung) (03).

TUQ. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG CƠ SỞ
PHÓ TRƯỞNG CƠ SỞ

PGS.TS. Trần Anh Tuấn



PHỤ LỤC 1. PHẠM VI CUNG CẤP

(Đính kèm Công văn số 437/BVĐHYD-CS2 ngày 05. tháng 4 năm 2024)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Quan sát, ghi nhận, đánh giá hiện trạng theo TCVN 9381:2012				
1	Khối nhà A	m ²	1.079		
2	Khối nhà B	m ²	3.108		
3	Khối nhà C	m ²	465		
II	Kiểm tra kích thước hình học cấu kiện, vẽ mặt cắt điển hình.				
1	Khối nhà A				
1.1	Cột (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	03		
1.2	Dầm (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	03		
1.3	Sàn (01 tầng/01 vị trí)	Vị trí	03		
2	Khối nhà B				
2.1	Cột (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	03		
2.2	Dầm (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	03		
2.3	Sàn (01 tầng/01 vị trí)	Vị trí	03		
3	Khối nhà C				
3.1	Cột (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	04		
3.2	Dầm (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	04		
3.3	Sàn (01 tầng/01 vị trí)	Vị trí	04		
III	Kiểm tra độ thẳng đứng của công trình				
1	Khối nhà A	Điểm đo	04		
2	Khối nhà B	Điểm đo	04		
3	Khối nhà C	Điểm đo	04		
IV	Kiểm tra độ võng dầm, sàn				
1	Khối nhà A (mỗi tầng/10 vị trí)	Vị trí	20		
2	Khối nhà B (mỗi tầng/10 vị trí)	Vị trí	20		
3	Khối nhà C (mỗi tầng/10 vị trí)	Vị trí	30		
V	Kiểm tra cường độ bê tông tại hiện trường bằng phương pháp khoan lấy mẫu tại hiện trường đem về PTN kiểm tra				
1	Khối nhà A				
1.1	Sàn (02 sàn x 02 mẫu = 04 mẫu)	Mẫu	04		
2	Khối nhà B				
2.1	Sàn (02 sàn x 02 mẫu = 04 mẫu)	Mẫu	04		
3	Khối nhà C				
3.1	Sàn (03 sàn x 02 mẫu = 06 mẫu)	Mẫu	06		
VI	Kiểm tra cường độ bê tông tại hiện trường bằng phương pháp siêu âm kết hợp súng bật nảy				
1	Khối nhà A				
1.1	Cột (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	03		
1.2	Dầm (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	03		

2	Khối nhà B				
2.1	Cột (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	03		
2.2	Dầm (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	03		
3	Khối nhà C				
3.1	Cột (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	04		
3.2	Dầm (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	04		
VII	Kiểm tra đường kính và số lượng cốt thép trong cấu kiện bê tông cốt thép				
1	Khối nhà A				
1.1	Cột (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	03		
1.2	Dầm (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	03		
1.3	Sàn	Cấu kiện	02		
2	Khối nhà B				
2.1	Cột (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	03		
2.2	Dầm (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	03		
2.3	Sàn	Cấu kiện	02		
3	Khối nhà C				
3.1	Cột (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	04		
3.2	Dầm (01 tầng/01 cấu kiện)	Cấu kiện	04		
3.3	Sàn	Cấu kiện	03		
VIII	Đánh giá khả năng cốt thép bị ăn mòn trong bê tông tại hiện trường bằng phương pháp đo điện thế				
1	Khối nhà A				
1.1	Cột	Vị trí	02		
1.2	Dầm	Vị trí	02		
1.3	Sàn	Vị trí	02		
2	Khối nhà B				
2.1	Cột	Vị trí	02		
2.2	Dầm	Vị trí	02		
2.3	Sàn	Vị trí	02		
3	Khối nhà C				
3.1	Cột	Vị trí	04		
3.2	Dầm	Vị trí	04		
3.3	Sàn	Vị trí	03		
IX	Hoàn trả vị trí khoan lấy mẫu bằng sika cường độ cao				
1	Khối nhà A				
1.1	Sàn (02 sàn x 02 mẫu = 04 mẫu)	Vị trí	04		
2	Khối nhà B				
2.1	Sàn (02 sàn x 02 mẫu = 04 mẫu)	Vị trí	04		
3	Khối nhà C				
3.1	Sàn (03 sàn x 02 mẫu = 06 mẫu)	Vị trí	06		
X	Hoàn trả vị trí đục vữa kiểm tra				
1	Khối nhà A				

1.1	Cột (01 cấu kiện/03 vị trí)	Vị trí	09		
1.2	Dầm (01 cấu kiện/03 vị trí)	Vị trí	09		
2	Khối nhà B				
2.1	Cột (01 cấu kiện/03 vị trí)	Vị trí	09		
2.2	Dầm (01 cấu kiện/03 vị trí)	Vị trí	09		
3	Khối nhà C				
3.1	Cột (01 cấu kiện/04 vị trí)	Vị trí	12		
3.2	Dầm (01 cấu kiện/04 vị trí)	Vị trí	12		
XI	Lập báo cáo kiểm định: Khu A,B,C – Cơ sở 2 và chứng nhận đủ an toàn chịu lực cho công trình (nếu đáp ứng)	Gói	01		

PHỤ LỤC 2. YÊU CẦU KỸ THUẬT

A. NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

I. Thu thập các thông tin và các tài liệu liên quan đến công trình

- Địa điểm xây dựng;
- Năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng (nếu có);
- Mô tả chung về công trình (Công năng, cấp loại công trình, loại vật liệu sử dụng, loại kết cấu, hình dạng);
- Tài liệu hồ sơ có liên quan đến công trình (bản vẽ kỹ thuật, các đợt khảo sát trước đây, các đợt cải tạo, đánh giá phân loại công trình – nếu có).

II. Khảo sát hiện trạng công trình

- Khảo sát sơ bộ bản vẽ kiến trúc hiện trạng khu A, B, C – Cơ sở 2: Mặt bằng kiến trúc các tầng, mặt cắt và mặt đứng công trình.
- Đặc điểm hệ kết cấu chịu lực chính công trình, xác lập mặt bằng kết cấu chịu lực các tầng, mặt bằng kết cấu công trình.
- Khảo sát khe nứt, tình trạng hư hỏng của kết cấu công trình.
- Khảo sát cục bộ chất lượng từng loại kết cấu chịu lực:
 - + Khảo sát cường độ bê tông cột, dầm, sàn điển hình;
 - + Khảo sát cấu tạo cốt thép một số cấu kiện điển hình;
 - + Đo đạc mức độ rỉ sét của cốt thép (nếu có dấu hiệu ăn mòn cốt thép) trong cấu kiện BTCT;
 - + Đo đạc độ biến dạng của hệ dầm, bản sàn công trình;
 - + Khảo sát dạng móng sử dụng và chất lượng mặt ngoài móng, dầm kiềng (trong trường hợp phát hiện có dấu hiệu hư hỏng của kết cấu móng, công trình có hiện tượng nghiêng lún)
- Khảo sát ổn định tổng thể công trình:
 - + Đo đạc độ võng của hệ dầm, sàn công trình;
 - + Đo đạc độ nghiêng lệch cột công trình (hoặc đo đạc độ nghiêng tổng thể các khối nhà)

III. Đánh giá chất lượng hiện trạng kết cấu công trình

1. Đánh giá chất lượng cục bộ các cấu kiện chịu lực chính

- Chất lượng mặt ngoài cấu kiện;
- Chất lượng vật liệu cấu kiện;
- Độ biến dạng võng cấu kiện;
- Đánh giá khả năng cốt thép bị ăn mòn trong bê tông.

2. Đánh giá ổn định tổng thể công trình

3. Đánh giá tình trạng kỹ thuật nhà

- Sử dụng phương pháp đánh giá tổng thể của TCVN 9381:2012 để xác định mức độ nguy hiểm của nhà, gồm 3 bước:
 - + Bước 1: Đánh giá mức độ nguy hiểm của cấu kiện: Phân cấu kiện thành hai loại cấu kiện nguy hiểm (Td) và cấu kiện không nguy hiểm (Fd);
 - + Bước 2: Đánh giá mức độ nguy hiểm của các bộ phận nhà (nền móng, kết cấu chịu lực phần thân, kết cấu bao che), cấp đánh giá được chia làm 4 cấp A, B, C,

D;

+ Bước 3: Đánh giá mức độ nguy hiểm của nhà, cấp đánh giá được chia làm 4 cấp A, B, C, D.

4. Lập báo cáo đánh giá hiện trạng

- Thể hiện bản vẽ hiện trạng: Mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng, bản vẽ hư hỏng...;
- Xử lý các số liệu khảo sát thu thập được;
- Xử lý số liệu kết quả thí nghiệm;
- Kiểm tra tính toán an toàn chịu lực cấu kiện, công trình;
- Thuyết minh báo cáo kết quả kiểm định hiện trạng;
- Phân tích đánh giá, kết luận hiện trạng công trình.

5. Nhận xét về mức độ ảnh hưởng của hư hỏng đến an toàn sử dụng công trình (an toàn, tiện nghi sử dụng)

- Kết luận về chất lượng hiện trạng kết cấu công trình, niên hạn sử dụng.
- Kiến nghị:
 - + Phương hướng xử lý công trình: Di dời không sử dụng, tiếp tục sử dụng hay sửa chữa gia cường;
 - + Biện pháp xử lý hư hỏng công trình (nếu có)

B. PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT KIỂM ĐỊNH, THIẾT BỊ VÀ PHÒNG THÍ NGHIỆM SỬ DỤNG

I. Phương pháp khảo sát kiểm định và thiết bị sử dụng

- Khảo sát kích thước hình học bằng cách đo đạc trực tiếp bằng thước thép và thước laser;
- Khảo sát tình trạng mặt ngoài khe nứt, tình trạng hư hỏng công trình trình bằng cách quan sát và đo đạc trực tiếp (thước lá, kính phóng đại có vạch chia...);
- Đo đạc cường độ bê tông bằng phương pháp khoan lấy mẫu, siêu âm kết hợp súng bật nảy;
- Khảo sát cấu tạo thép bằng máy siêu âm, kết hợp kiểm tra đối chứng bằng biện pháp khoan đục và đo đạc trực tiếp bằng thước sắt và thước kẹp;
- Đo đạc độ nghiêng lún nền, độ nghiêng lệch tổng thể, độ nghiêng lệch cột, văng nghiêng dầm sàn bằng máy laser & máy toàn đạc điện tử
- Đo mức độ ăn mòn cốt thép trong bê tông bằng máy đo hiệu điện thế;
- Xác định kích thước và dạng móng sử dụng: Đào lớp đất phủ và đo đạc trực tiếp;
- Vẽ và chụp hình minh họa.

II. Phòng thí nghiệm sử dụng

- Phòng thí nghiệm của đơn vị kiểm định đảm bảo yêu cầu hoạt động theo quy định của pháp luật.

C. NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH VÀ NHÂN SỰ YÊU CẦU

I. Điều kiện năng lực của tổ chức kiểm định

- Nhà thầu bảo đảm điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định tại khoản 4 điều 148 Luật xây dựng số 50/2014/QH13;
- Đảm bảo đủ điều kiện năng lực của tổ chức kiểm định xây dựng hạng III theo quy định tại Điều 97 Nghị định 15/2021/NĐ- CP ngày 03 tháng 03 năm 2021. Cụ

thể như sau:

- Cá nhân chủ trì thực hiện kiểm định xây dựng phải đáp ứng điều kiện hành nghề thiết kế xây dựng từ hạng III trở lên;
- Cá nhân tham gia thực hiện kiểm định xây dựng phải có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công tác kiểm định xây dựng;
- Đã thực hiện kiểm định xây dựng ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên.

II. Yêu cầu về nhân sự tham gia

1. Chủ nhiệm dự án: 1 người

- Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Chứng chỉ: Có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình xây dựng hạng III trở lên;
- Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tư vấn xây dựng tối thiểu 10 năm
- Kinh nghiệm ở vị trí chủ trì các dự án kiểm định hiện trạng công trình dân dụng cấp III trở lên tối thiểu 01 dự án.

2. Chủ trì kiểm định về trắc địa công trình: 1 người

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành trắc địa;
- Chứng chỉ: có chứng chỉ hành nghề khảo sát công trình hạng III trở lên;
- Kinh nghiệm làm việc ở vị trí tương đương: tối thiểu 05 năm;
- Kinh nghiệm ở vị trí chủ trì kiểm định về trắc địa công trình dân dụng cấp III trở lên: Tối thiểu 01 dự án.

3. Chủ trì kiểm định về kết cấu công trình: 1 người

- Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Chứng chỉ: có chứng chỉ hành nghề thiết kế công trình dân dụng hạng III trở lên;
- Kinh nghiệm làm việc ở vị trí tương đương: tối thiểu 10 năm;
- Kinh nghiệm ở vị trí chủ trì kiểm định về kết cấu công trình dân dụng cấp III trở lên: tối thiểu 01 dự án.

4. Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp: 2 người

- Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh nghiệm làm việc ở vị trí tương đương: tối thiểu 05 năm.

5. Kỹ sư trắc địa công trình: 1 người

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành trắc địa;
- Kinh nghiệm làm việc ở vị trí tương đương: Tối thiểu 05 năm.

6. Chuyên gia về thí nghiệm kiểm định xây dựng: 2 người

7. Thí nghiệm viên: 2 người

D. THỜI GIAN THỰC HIỆN

- Khảo sát tại hiện trường: Dự kiến 15 ngày;
- Lập báo cáo kiểm định: 20 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khảo sát hiện trường